

Bản án số: 11/2023/DSST

Ngày: 30 - 6 - 2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Hải và bà Nguyễn Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2022/TLST- DS, ngày 29 tháng 11 năm 2022, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXX - ST ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đông Á (viết tắt: DongA Bank);

Địa chỉ trụ sở chính: 130 Phan Đăng Lưu, phường 3, Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người được ông Tuấn uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh T – Tổng Giám đốc.

Người được ông Tùng uỷ quyền lại: Ông Trần Quốc Việt – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Thái Nguyên.

Người được ông Việt uỷ quyền lại: ông Bùi Trọng H , sinh năm 1984 – Chức vụ: Phó Phòng Phát triển Kinh doanh Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Thái Nguyên (QĐ về việc uỷ quyền số 03/QĐ-TTN ngày 29/5/2023)

(Có mặt ông Hùng tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Chị Đào Thị Hồng H , sinh năm 1993;

Địa chỉ: Xóm Xuân Hà 4, xã Thành Công, T.P Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn H , sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm Xuân Hà 4, xã Thành Công, T.P Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(*Chị H , anh H đều vắng mặt tại phiên toà*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/11/2022, bản tự khai và tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Trọng Hùng trình bày:

Ngày 24/9/2019, chị Đào Thị Hồng Hiền phát sinh quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Thái Nguyên, theo Hợp đồng tín dụng 0182743901T19001, số tiền vay: 20.000.000đ. Mục đích vay: Kinh doanh Spa, lãi suất vay 9%/năm, thời hạn vay 12 tháng (từ 24/9/2019 đến 24/9/2020). Biện pháp bảo đảm nợ vay: Tín chấp (Dành cho khách hàng là Hội viên Hội phụ nữ có đối tác liên kết theo quy định của Ngân hàng Đông Á).

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng TMCP Đông Á đã thực hiện việc giải ngân số tiền 20.000.000đ cho chị H thông qua hình thức nhận tiền mặt. Quá trình vay, chị H cũng đã thực hiện việc trả nợ cho ngân hàng đến ngày 14/10/2020 số tiền nợ là: 11.719.000đ, trong đó có 11.265.155đ tiền gốc và 1.453.845đ tiền lãi. Sau đó, chị H không thực hiện việc trả gốc, lãi cho ngân hàng theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng. Người bảo lãnh cho khoản vay của chị Hiền tại Ngân hàng là anh Nguyễn Văn H (chồng) cũng không thực hiện việc trả nợ theo như nội dung đã cam kết trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 24/8/2019 (Dành cho khách hàng là Hội viên hội phụ nữ có đối tác liên kết theo quy định của Ngân hàng Đông Á).

Tại phiên toà, Ngân hàng TMCP Đông Á vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, khoản tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/6/2023 như sau:

1. Buộc chị Đào Thị Hồng H và anh Nguyễn Văn H trả ngay cho ngân hàng TMCP Đông Á số tiền nợ gốc, lãi tính đến thời điểm xét xử (ngày 30/6/2023) là: 12.625.757đ. Trong đó: Nợ gốc: 8.734.845đ; lãi trong hạn: 346.155đ; lãi quá hạn 3.544.757đ.

2. Đề nghị Toà án buộc chị H , anh H phải tiếp tục trả tiền nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng và theo quy định pháp luật cho đến khoản vay được thanh toán.

Về lời khai của bị đơn: Chị Đào Thị Hồng H vắng mặt tại địa phương, không xác định được nơi cư trú hiện nay nên không có lời khai.

Tại biên bản làm việc ngày 14/02/2023, tại gia đình anh Nguyễn Văn H , có sự chứng kiến của Trưởng xóm Xuân Hà 4, xã Thành Công, anh Nguyễn Văn Hưng có quan điểm: Hiện nay anh và chị H đã ly hôn, thời điểm chị H vay ngân hàng, do chị Hiền giấu địa chỉ nên anh không được biết chị H vay tiền, không tham gia ký kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng. Chữ ký của anh trên giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn với tư cách là người bảo lãnh cũng không

phải do anh viết và ký nên anh xác định không liên quan đến vụ án, anh từ chối tham gia tố tụng và từ chối nhận văn bản của Tòa án.

Xác minh với địa phương cũng không ai biết chính xác địa chỉ gia đình bố mẹ đẻ chị H tại đâu, chỉ biết bố mẹ đẻ ở tỉnh Bắc Giang. Sau khi ly hôn với anh Hưng, chị H đem theo con đi đâu không rõ.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng. VKS không ý kiến và kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết về phần nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều: 26, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 85, 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 269, 271, 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 274, 275, 280, Điều 292, 293, 295, Điều 298, Điều 299, Điều 307, 308, Điều 317, Điều 319, Điều 335, Điều 410, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, và Điều 688 Bộ luật Dân sự;

- Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP Đông Á, buộc chị Hiền phải có trách nhiệm trả khoản nợ cho ngân hàng TMCP Đông Á tính đến ngày xét xử (30/6/2023) gồm nợ gốc, nợ lãi trong đó bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn tương ứng với hợp đồng các bên đã ký kết, số tiền: 12.625.757đ, trong đó: Nợ gốc: 8.734.845đ; lãi trong hạn: 346.155đ; lãi quá hạn 3.544.757đ.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu Ngân hàng về việc buộc anh Nguyễn Văn Hưng cùng có trách nhiệm trả nợ với chị Đào Thị Hồng Hiền khoản tiền nợ trong Hợp đồng tín dụng vay trả góp.

3. Về án phí: Bị đơn chị Đào Thị Hồng H có nghĩa vụ chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Ngân hàng phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu không được chấp nhận.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm chấp hành

pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp; thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ án về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, giữa một bên là Ngân hàng có đăng ký kinh doanh và cá nhân không có đăng ký kinh doanh. Căn cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định là tranh chấp về Dân sự. Bị đơn có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại xóm Xuân Hà 4, xã Thành Công, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[1.2]. *Về việc uỷ quyền của nguyên đơn:* Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP Đông Á uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh T tham gia tố tụng, đến ngày 29/5/2023, thay đổi người đại diện theo uỷ quyền, ông Bùi Trọng Hùng được ngân hàng TMCP Đông Á uỷ tham gia tố tụng theo văn bản uỷ quyền số 32/QĐ -TTN, xét thấy việc uỷ quyền là hợp lệ theo đúng quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận.

[1.3] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số 182743901T19001 ngày 24/9/2019, xác lập quan hệ vay tín dụng giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Thái Nguyên, bên vay: Chị Đào Thị Hồng H . Tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 24/8/2019, anh Nguyễn Văn Hưng ký kết tại phần người bảo lãnh cho chị Đào Thị Hồng H vay số tiền 20.000.000đ. Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định chị H , anh H tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.4]. Sự vắng mặt của đương sự trong quá trình giải quyết và tại phiên toà:

Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn chị H vắng mặt tại nơi cư trú nên Toà án không tiến hành tổng đạt trực tiếp được cho chị Hiền thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Toà án, chị Hiền không có lời khai.

Tiến hành xác minh nơi cư trú đối với chị H tại Công an xã Thành Công, cơ sở xóm Xuân Hà 4, xã Thành Công, được cung cấp thông tin: chị Đào Thị Hồng Hiền có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Xuân Hà 4, xã Thành Công, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Năm 2021, do mâu thuẫn vợ chồng nên chị Hiền và anh H đã ly hôn. Sau khi ly hôn, chị Hiền mang con đi khỏi địa phương, chỉ thỉnh thoảng mới đưa con về. Chính quyền địa phương không biết chị Hiền đi đâu, làm gì. Qua rà soát trên hệ thống dữ liệu Quốc gia về dân cư thì không có thông tin nơi tạm trú.

Tại hợp đồng tín dụng số 182743901T19001 ngày 24/9/2019, thể hiện địa chỉ nơi cư trú của chị Hiền tại xóm Xuân Hà 4, Thành Công, Phổ Yên, Thái Nguyên. Từ khi ký kết hợp đồng cho đến khi Ngân hàng khởi kiện đến Toà án, chị Hiền cũng không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho Ngân hàng. Căn cứ Khoản 2, Khoản 3 Điều 5; Khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ –HĐTP

ngày 05/5/2017, về việc hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192, Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, được coi là trường hợp cố tình giấu địa chỉ, Toà án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ giải quyết vụ án. Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với chị Hiền theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với anh Nguyễn Văn H , Toà án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương, trực tiếp đến gia đình để giao các văn bản tố tụng của Toà án. Tuy nhiên, anh Hưng không hợp tác, không viết bản tự khai theo yêu cầu của Toà án cũng như ký nhận các văn bản tố tụng của Toà án. Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Hưng theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên toà, chị H , anh H đã được niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định, nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy, việc giao nhận văn bản tố tụng, niêm yết văn bản tố tụng đã được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và giành quyền kháng cáo cho các đương sự vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng và nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng.

Ngày 24/9/2019, chị Đào Thị Hồng H có ký kết hợp đồng tín dụng cho vay trả góp với Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 0182743901T19001, Số tiền vay: 20.000.000đ. Mục đích vay: Kinh doanh Spa, lãi suất vay 9%/ năm, thời hạn vay 12 tháng (từ 24/9/2019 đến 24/9/2020). Hình thức giải ngân: Nhận tiền mặt.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, chị H đã thực hiện một phần việc trả gốc, trả lãi theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng, sau đó đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và trả nợ lãi cho Ngân hàng TMCP Đông Á là vi phạm nghĩa vụ của mình được quy định trong Hợp đồng đã ký kết, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Tổng dư nợ tính đến thời điểm xét xử (ngày 30/6/2023) là: 12.625.757đ (Mười hai triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi bảy đồng).

Trong đó: Nợ gốc: 8.734.845đ (Tám triệu bảy trăm ba mươi tư ngàn tám trăm bốn mươi lăm đồng); lãi trong hạn: 346.155đ (ba trăm bốn mươi sáu ngàn một trăm năm mươi lăm đồng); lãi quá hạn 3.544.757đ (ba triệu năm trăm bốn mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi bảy đồng).

Xét về hình thức và nội dung của Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 0182743901T19001 ngày 24/9/2019, chứa đựng đầy đủ các điều khoản cơ bản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên, phù hợp với các quy định tại Điều 117, 398, 463, 465, 466, 467 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ

chức tín dụng. Việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, thể hiện chị Hiền đã thực hiện việc trả gốc, lãi cho đến thời điểm ngày 14/10/2020. Do đó, Hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật, bắt buộc các bên phải thi hành.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng, chị H , anh H vẫn tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, anh Hưng không thừa nhận khoản vay trên, không thừa nhận chữ ký, chữ viết tại mục người bảo lãnh tại đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 24/8/2019 là chữ ký, chữ viết do anh ký và viết ra. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Đào Thị Hồng H và anh Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn theo Quyết định Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số: 94/2021/QĐST –HN&GD ngày 21/5/2021, của Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên). Về khoản nợ chung: Đôi bên xác định không có nợ chung nên không đề nghị Toà án giải quyết. Điều đó cho thấy, chị H và anh H đều thừa nhận giữa vợ chồng không có khoản nợ chung. Bên cạnh đó, Hợp đồng tín dụng 0182743901T19001 ngày 24/9/2019 chỉ có một mình chị Hiền đứng ra giao dịch và ký với Ngân hàng, nên có cơ sở xác định khoản vay trên là khoản vay riêng của chị H , không phải là khoản vay chung của vợ chồng nên buộc chị H phải có trách nhiệm trả nợ theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng là hoàn toàn có căn cứ và hợp pháp.

Về nghĩa vụ bảo lãnh của người bảo lãnh: Theo đơn đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn (dành cho khách hàng Hội viên Hội liên hiệp phụ nữ vay trả góp không có tài sản bảo đảm) ngày 24/8/2019, có xác nhận của Hội Liên Hiệp phụ nữ xã Thành Công (xác nhận thông tin nêu tại Mục 1.1 – là thông tin của người vay – Đào Thị Hồng H , mục đích vay vốn là đúng sự thực, ngoài ra không xác nhận thông tin nào khác) thể hiện các thông tin về người vay, thông tin người bảo lãnh, đề nghị vay vốn và phương án sử dụng vốn, phần cam kết của người vay, phần cam kết của người bảo lãnh, người bảo lãnh ký và ghi rõ họ tên, xác nhận của Hội liên Hiệp phụ nữ. Hội đồng xét xử thấy rằng, đơn đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn được lập ngày 24/8/2019 chỉ có phần cam kết của người bảo lãnh, không có xác nhận của bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng TMCP Đông Á. Điều 335 Bộ luật Dân sự quy định “ *Bảo lãnh là việc người thứ 3 - bên bảo lãnh cam kết với bên có quyền -...bên nhận bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ ... bên được bảo lãnh, nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ*”; Tại khoản 3 Điều 43 Nghị Định 21/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về đảm bảo thực hiện nghĩa vụ về thoả thuận bảo lãnh quy định: “*Thoả thuận về bảo lãnh có thể được thể hiện bằng Hợp đồng riêng về bảo lãnh, thư bảo lãnh hoặc hình thức cam kết bảo lãnh khác*”. Do vậy, việc bảo lãnh phải là sự thoả thuận giữa bên bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn được lập ngày 24/8/2019 không thể hiện nội dung thoả thuận bảo lãnh với Ngân hàng. Tại thời điểm xác nhận bảo lãnh, chị H , anh H vẫn tồn tại quan hệ hôn nhân, đến thời điểm Ngân hàng khởi kiện, chị Hiền, anh Hưng đã ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 94/2021 ngày

21/5/2021 của Toà án nhân dân thị xã (nay là thành phố Phổ Yên) giữa chị Hiên với anh Hưng có hiệu lực pháp luật. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Hiên và anh Hưng chấm dứt kể từ thời điểm Quyết định thuận tình ly hôn có hiệu lực. Do vậy, việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh H cùng chị H có trách nhiệm trả khoản nợ trên cho ngân hàng là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[2.2.] Xét yêu cầu trả nợ gốc:

Do Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp được ký kết là hợp pháp như nhận định tại mục 2.1 nêu trên, nên buộc chị H phải có trách nhiệm trả khoản nợ gốc cho ngân hàng là **8.734.845 VNĐ** (Tám triệu bảy trăm ba mươi tư ngàn tám trăm bốn mươi lăm đồng). Nên yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận.

[2.3]. Xét yêu cầu về lãi suất:

Tại mục 3.1 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng số 0182743901T19001 ngày 24/9/2019, hai bên thoả thuận mức lãi suất tính trên dư nợ ban đầu trong hạn 9 %/ năm, tương đương với dư nợ thực tế là 16,62%/năm. Việc thoả thuận lãi suất giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 13, Thông tư số 39/2016/TT NHNN ngày 30/12/2016, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019, của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất nên được chấp nhận. Cần buộc chị Hiên phải trả lãi suất cho ngân hàng TMCP Đông Á tính đến ngày xét xử là: lãi trong hạn: 346.155đ (ba trăm bốn mươi sáu ngàn một trăm năm mươi lăm đồng).

[2.4]. Về khoản tiền lãi quá hạn:

Theo thoả thuận tại tiểu mục 3.2 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng, các bên thoả thuận lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Thoả thuận này là phù hợp với quy định tại điều 8, Nghị quyết 01 ngày 11/01/2019, của Toà án nhân dân tối cao, Khoản 4 Điều 13 Thông tư 39 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nên cần được chấp nhận. Cần buộc chị Hiên phải trả lãi suất quá hạn cho Ngân hàng TMCP Đông Á số tiền: lãi quá hạn 3.544.757đ (ba triệu năm trăm bốn mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi bảy đồng).

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận 1 phần nên nên bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Buộc chị Đào Thị Hồng H phải chịu án phí có giá ngạch đối với tổng số tiền gốc và lãi, theo đó án phí phải chịu là: $(12.625.757đ \times 5\%) = 631.000đ$ (đã làm tròn). (*Bằng chữ: Sáu trăm ba mươi một ngàn đồng*).

Ngân hàng TMCP Đông Á phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng), được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, theo biên lai thu số 0001271 ngày 29/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 26, Điều b Khoản 1 Điều 35, Điều a Khoản 1 Điều 39, Điều 85, 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 269, 271, 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 274, 275, 280, Điều 292, 293, 295, Điều 298, Điều 299, Điều 307, 308, Điều 317, Điều 319, Điều 335, Điều 410, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, và Điều 688 Bộ luật Dân sự;

- Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Nghị Định 21/NĐ-CP ngày 19/3/2021, của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về đảm bảo thực hiện nghĩa vụ;

- Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019, của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm;

- Thông tư số 39/2016/TT NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng chi nhánh Ngân hàng nhà nước đối với khách hàng;

- Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đông Á đối với bị đơn chị Đào Thị Hồng H về nghĩa vụ trả nợ tiền vay trong hợp đồng tín dụng trả góp.

Buộc chị Đào Thị Hồng H phải trả cho ngân hàng TMCP Đông Á số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng trả góp số 0182743901T19001 ngày 24/9/2019, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/6/2023, tổng số tiền là: **12.625.757đ** (Bằng chữ: Mười hai triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi bảy đồng).

Trong đó: Nợ gốc: **8.734.845đ** (Tám triệu bảy trăm ba mươi tư ngàn tám trăm bốn mươi lăm đồng); lãi trong hạn: 346.155đ (Ba trăm bốn mươi sáu ngàn một trăm năm mươi lăm đồng); lãi quá hạn 3.544.757đ (Ba triệu năm trăm bốn mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (01/7/2023), chị Hiền còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều

chính lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của ngân hàng TMCP Đông Á về việc buộc anh Nguyễn Văn H cùng có trách nhiệm trả nợ với chị Đào Thị Hồng H khoản tiền trong Hợp đồng tín dụng vay trả góp số 0182743901T19001 ngày 24/9/2019.

3. Về án phí: Buộc chị Đào Thị Hồng H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền **631.000đ** (đã làm tròn). (Bằng chữ: Sáu trăm ba mươi một ngàn đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Ngân hàng TMCP Đông Á phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm phần yêu cầu không được chấp nhận số tiền **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng), được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, theo biên lai thu số sê ri 0001271 ngày 29/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên.

4. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm có mặt (ông H) là đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP Đông Á tại phiên tòa. Báo cho biết đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn chị H , người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H tại phiên tòa. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- Chi cục THADS thành phố Phổ Yên;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

